BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7062 /TTr-BNN-KTHT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Công văn số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp (dự thảo Nghị định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp để thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2020 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, hoàn thiện chính sách về đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Thông báo số 97/TB-VPCP ngày 14/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến về "Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông

nghiệp" và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tiếp tục giao Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản này.

Công văn số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trình Chính phủ tháng 12/2021.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Hiện trạng chính sách cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp:

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản, Thủ tường Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, thay thế các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và 65/2011/QĐ-TTg với phạm vi hỗ trợ rộng hơn và không bị ràng buộc 60% giá trị sản xuất trong nước đối với máy móc phục vụ nông nghiệp. Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả như sau:

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị, công nghệ được đầu tư áp dụng trong nông nghiệp; nhiều khâu sản xuất có mức độ cơ giới hóa cao, nhất là sản xuất lúa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, khâu làm đất lúa vùng đồng bằng sông Hồng đạt gần 100%, thu hoạch lúa gần 90%.

- Cơ giới hóa nông nghiệp đã giải quyết được khâu lao động nặng nhọc, đảm bảo tính thời vụ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của một số nông sản, góp phần tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu hàng đầu thế giới.

- Thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ ở nông thôn: Đã hình thành nhiều mô hình liên kết doanh nghiệp[1] với hợp tác xã, nông dân sản xuất trên cánh đồng lớn với các dịch vụ cơ giới hóa cho các khâu làm đất, cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, sấy khô, cho thuê kho bảo quản với những ưu đãi nhất định.

---

[1] Hiện nay cả nước có 271 tổ chức khoa học, gần 587 nghìn hộ nông dân, 4.028 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Kết quả liên kết chuỗi đã xây dựng được 26 mô hình chuỗi liên kết giữa hộ nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể có 18 mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất và tiêu thụ mía đường, 08 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo.

- Chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy, thiết bị nông nghiệp đã góp phần nâng cao mức độ cơ giới hóa và khuyến khích thúc đẩy các cơ sở cơ khí chế tạo máy nông nghiệp trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị sản xuất có hiệu quả.

* Một số hạn chế:

- Cho đến nay, Việt Nam chưa có chiến lược phát triển ổn định lâu dài, làm căn cứ để xây dựng các cơ chế, chính sách đồng bộ, hoạch định kế hoạch phát triển cơ giới hóa nông nghiệp.

- Chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về các tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; các chỉ số đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp của từng địa phương.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sử dụng, vận hành máy, thiết bị nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cao.

- Mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp một số khâu tuy đã đạt cao nhưng chưa đồng bộ, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực[2].

- Trình độ trang bị máy động lực còn lạc hậu, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ[3], chỉ thích hợp với quy mô hộ, diện tích đất manh mún (các loại máy nhỏ chiếm trên 60%).

- Cơ khí trong nước chưa đáp ứng nhu cầu máy, thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp về chủng loại, số lượng cũng như chất lượng máy (mới đạt khoảng 33% nhu cầu sản phẩm cơ khí); máy kéo, máy gặt lúa chủ yếu của KUBOTA; YANMAR Nhật Bản; Hàn Quốc; Trung Quốc; máy phun thuốc bảo vệ thực vật, máy gieo hạt, máy cắt cỏ chủ yếu của Honda Nhật Bản.

- Cơ chế chính sách đã ban hành tương đối đầy đủ nhưng thực thi còn hạn chế, thiếu sự nhất quán, đồng bộ, đặc biệt về cơ chế tài chính do nguồn lực còn hạn chế[4].

---

[2] Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 3,3 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha);

[3] Máy kéo công suất trên 35 CV chiếm 6,5%; từ 12-35 CV chiếm 48%; dưới 12 CV chiếm 45,5%.

[4] Tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến 6/2021 doanh số cho vay đạt hơn 12.000 tỷ đồng với gần 37.800 lượt khách hàng được vay vốn ngân hàng để mua sắm đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dư nợ cho vay đạt 1.700 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất chiếm hơn 97% tổng dư nợ cho vay chương trình; dư nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước chiếm gần 3% tổng dư nợ cho vay chương trình.

- Chính sách hỗ trợ nông dân mua máy sản xuất nông nghiệp (Quyết định 68/2013/QĐ-TTg) khả năng tiếp cận vốn vay của người dân còn khó khăn do không có tài sản thế chấp. Cơ chế hỗ trợ tín đụng đầu tư phát triển cho các cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp không hấp dẫn các cơ sở đầu tư cơ khí.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cơ giới hoá, hiện đại hoá như: Đường giao thông liên vùng, liên xã, giao thông nội đồng; quy mô đồng ruộng còn nhỏ, phân tán, diện tích còn manh mún; hệ thống tưới, tiêu chủ động chưa đồng bộ;

- Máy móc, thiết bị nông nghiệp cơ bản đang được đầu tư theo quy mô hộ, hiệu suất sử dụng máy chưa cao, chưa hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa[5].

- Chất lượng máy móc, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát, giám định, còn để thả nổi; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được đào tạo[6] và huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; thiếu trang bị bảo hộ lao động, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao.

* Nguyên nhân:

- Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún trong một nền nông nghiệp mà các hộ nông dân vẫn là chủ thể sản xuất chính[7]. Trong đó, ruộng đất canh tác của mỗi hộ lại chia thành nhiều thửa ruộng với độ phân tán nhất định, cản trở cho thực hiện cơ giới hóa.

- Lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước còn cao, hiện nay là 8,55%/năm (theo Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 21/5/2015 của Bộ Tài chính), không có sự chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay thương mại nên chưa khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các dự án dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến nông sản và các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

- Quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác chưa đồng bộ, có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng miền, cây, con. Sự khác biệt trong quy trình, tập quán, quy

---

[5] Đến 31/12/2020 có 17.000 HTX nông nghiệp và 68 LH HTX (Trong đó có 6.046 HTX trồng trọt, 1.025 HTX chăn nuôi, 202 HTX lâm nghiệp, 964 HTX thủy sản, 31 HTX diêm nghiệp, 41 HTX nước sạch nông thôn, 7.549 HTX tổng hợp, 1.142 HTX và 02 LH HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động mà chưa giải thể; Đối với các doanh nghiệp cơ khí chế tạo, dịch vụ bán, sửa chữa, bảo hành hiện có gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp, 1.267 cơ sở, trên 18.000 người chuyên kinh doanh; 1.218 cơ sở gần 15.000 người chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị trong đó khoảng 80% là các cơ sở tư nhân cung ứng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

[6] Đến nay, cả nước đã đào tạo được 2,84/3,0 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (đạt 94,67% kế hoạch đề ra); số lao động có việc làm hoặc vẫn làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn sau khi được đào tạo là 2,79 triệu người (đạt 98,24% so với tổng số lao động được đào tạo); Số hộ gia đình có người tham gia học nghề thoát nghèo 65.515 hộ, số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhật khá 134.016 hộ; cả nước có khoảng 2.510 cơ sở tham gia công tác đào tạo; đã xây dựng được 140 khung chương trình, giáo trình và 32 kỹ năng nghề nông nghiệp.

[7] Theo số liệu tổng điều tra về nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tại thời điểm 01/7/2016 cả nước có 8,5 triệu hộ nông nghiệp. Số hộ có quy mô dưới 0,2 ha/hộ chiếm gần 40%. Số hộ có quy mô dưới 1 ha/hộ chiếm tỷ lệ 88,3%. Nhóm hộ sử dụng từ 1-2 ha/hộ chiếm 7,7%.

mô sản xuất, yêu cầu nông sinh học của các cây trồng khác nhau, ở vùng miền khác nhau đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, đặt ra những yêu cầu đa dạng rất phức tạp đối với hệ thống máy và thiết bị nông nghiệp.

- Khả năng đầu tư của chủ thể sản xuất cho cơ giới hóa nông nghiệp còn hạn chế. Thu nhập của nông dân còn thấp, thiếu vốn để đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp. Trong khi đó, máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp là những tài sản có vốn đầu tư ban đầu lớn so với các loại vật tư đầu vào khác như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy, rất ít hộ nông dân có khả năng hoặc mạnh dạn mua sắm máy móc, thiết bị công nghệ nông nghiệp bằng vốn tự có.

Trong khi đối với các hộ nông dân làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp, chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo; không có khả năng mua các máy kéo cỡ lớn (trên 80 Hp) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày.

Năng suất lao động nông nghiệp thấp, bằng 38,1% năng suất lao động chung của nền kinh tế.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn chưa phát triển đồng bộ để đáp ứng cho phát triển cơ giới hóa.

Một trong những rào cản phát triển cơ giới hóa nông nghiệp là giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống tiêu và thoát nước chưa phát triển tương ứng để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển, ứng dụng máy móc, thiết bị nông nghiệp, nhất là các máy móc làm đất cơ bản theo yêu cầu thâm canh, máy cấy nhiều hàng, các máy liên hợp thu hoạch, vận chuyển nông sản…

Từ những lý do nêu trên, để góp phần khắc phục những hạn chế, yếu kém nhằm tiến tới mục tiêu phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, căn cứ khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Nghiên cứu bổ sung "Tạo cơ sở pháp lý cho thu hút đầu tư để đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng cường áp dụng máy, thiết bị, công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông minh..), đổi mới sáng tạo nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh, hướng tới phát triển một nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn bền vững, hội nhập với thị trường quốc tế".

Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, nâng cao hiệu quả quản lý, tính thống nhất thông qua quy định về các nội dung, tiêu chí đánh giá dự án cơ giới hóa đồng bộ

trong nông nghiệp; các chỉ tiêu đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, trình độ và năng lực công nghệ cơ sở/nhà máy chế biến nông sản; chính sách hỗ trợ gắn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các đối tượng tham gia vào quá trình cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Tạo ra diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp, áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông minh) đồng bộ giữa các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp với các điều kiện thúc đẩy cơ giới hóa như: xây dựng kết cấu hạ tầng, cải tạo đồng ruộng; tổ chức sản xuất; đào tạo nguồn nhân lực, an toàn lao động, vệ sinh lao động. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đồng bộ theo chuỗi liên kết là áp dụng cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp *(từng phân khúc của chuỗi liên kết)* hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công, hiệu quả thấp sang cơ giới hóa với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn, góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản, nâng cao thu nhập và tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn.

Giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao các chuẩn mực về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Vấn đề an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện lao động, thời giờ làm việc đang trở thành một trong những hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu hàng hóa. Việc quản lý, sử dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản ngoài những mặt tích cực là chủ yếu, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Cơ giới hóa nông nghiệp phải được tiến hành đồng bộ theo chuỗi liên kết giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa, theo chuỗi, quy mô lớn.

- Khuyến khích phát triển cơ giới hóa nông nghiệp theo hướng đồng bộ giữa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, đồng bộ giữa máy móc, thiết bị, công nghệ với điều kiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, tổ chức sản xuất và trình độ lao động nông nghiệp.

- Bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kế thừa các ưu điểm của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, phù hợp với thực tiễn và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Huy động được nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban soạn thảo tại Quyết định số 2299/QĐ-BNN-KTHT ngày 19/6/2020, gồm đại diện các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan tham gia. Đã tổ chức các phiên họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; các Hội thảo tham vấn ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia về dự thảo đề cương Nghị định.

2. Tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành, đơn vị liên quan và trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 8214/BNN-KTHT ngày 26/11/2020 về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định gồm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định; (ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (iii) Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; iv) Đề cương xây dựng Nghị định.

3. Ngày 26/3/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Tờ trình số 1772/TTr-BNN-KTHT trình xin chủ trương Thủ tướng Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và các báo cáo, đề cương Nghị định kèm theo.

4. Ngày 01/6/2021, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 735/TTg-NN giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trình Chính phủ tháng 12/2021.

5. Ngay sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học hoàn thiện dự thảo Nghị định và các báo cáo liên quan.

6. Tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các đơn vị liên quan và trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4517/BNN-KTHT ngày 20/7/2021 gồm: i) Dự thảo Nghị định, (ii) Dự thảo Tờ trình Chính phủ, (iii) Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

7. Đến này 24/9/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 87 văn bản góp ý của 13 Bộ, ngành, đơn vị, hiệp hội, gồm các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; Tổng hội cơ khí VN, Tổng công ty máy động lực máy Nông nghiệp VN, Công ty TNHH máy nông nghiệp Yanmar Việt Nam; Công ty Kubota Việt Nam. 14 đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Quản lý doanh nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục phòng chống thiên tai, Tổng cục thủy lợi, Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ Thực vật, Trường Đại học Lâm nghiệp, Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch và 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cổng thông tin điện tử Chính phủ có 01 ý kiến góp ý. Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có ý kiến. Các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, giải trình, tiếp thu tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.

8. Hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm 4 Chương và 19 Điều, cụ thể:

Chương I: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh; Điều 2: Đối tượng áp dụng và Điều 3: Giải thích từ ngữ.

Chương II: Nội dung, tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp, gồm:

a) Mục 1: Nội dung cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm:

- Điều 4. Máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 5. Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 6. Nguồn nhân lực.

- Điều 7. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 8. An toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, công nghệ.

- Điều 9. Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp.

b) Mục 2: Tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ và Đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, gồm:

- Điều 10. Tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 11. Đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, trình độ và năng lực công nghệ cơ sở/nhà máy chế biến nông sản.

Chương III: Chính sách hỗ trợ

- Điều 12. Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Điều 13. Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 14. Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp.

- Điều 15. Nguồn vốn hỗ trợ.

- Điều 16. Cơ chế và nguyên tắc hỗ trợ.

Chương IV: Tổ chức thực hiện

- Điều 17 và Điều 18: Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Điều 19. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Tên dự thảo Nghị định: Khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

b) Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về nội dung, tiêu chí, chính sách hỗ trợ cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Cơ giới hóa nông nghiệp là việc sử dụng máy, thiết bị, công nghệ trong các khâu của sản xuất nông nghiệp thay thế lao động thủ công nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm: i) Đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp; ii) Đồng bộ theo chuỗi liên kết.

+ Đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp là việc áp dụng đồng bộ các loại máy, thiết bị, công nghệ phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, tổ chức sản xuất và kết cấu hạ tầng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp;

+ Đồng bộ theo chuỗi liên kết là việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: Vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

c) Đối tượng áp dụng: Bao gồm đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng, vận hành máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp dịch vụ cơ giới hóa, đào tạo nguồn nhân lực, xây

dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

d) Về nội dung cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm: i) Máy, thiết bị, công nghệ; ii) Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ; iii) Nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa đồng bộ; iv) An toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa (người lao động; người sử dụng lao động; máy, thiết bị nông nghiệp), cụ thể:

- Máy, thiết bị, công nghệ thực hiện cơ giới hóa các khâu sản xuất:

+ Trồng trọt bao gồm các khâu: Sản xuất giống; làm đất; gieo, trồng; tưới, tiêu; chăm sóc; thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; sử dụng phụ phẩm trồng trọt.

+ Lâm nghiệp bao gồm các khâu: Sản xuất giống; xử lý thực bì; làm đất; gieo, trồng; chăm sóc; khai thác; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; phòng cháy, chữa cháy; sử dụng phụ phẩm lâm nghiệp.

+ Chăn nuôi bao gồm các khâu: Sản xuất giống; sản xuất thức ăn; chuồng trại (cung cấp nước, thức ăn, điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi, vệ sinh, xử lý chất thải chăn nuôi); thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; tiêu thụ sản phẩm; sử dụng phụ phẩm chăn nuôi.

+ Thủy sản bao gồm các khâu: i) Nuôi trồng: Sản xuất giống; sản xuất thức ăn; cấp, thoát nước; chăm sóc; thu hoạch; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm; xử lý chất thải; sử dụng phụ phẩm nuôi trồng thủy sản. ii) Khai thác: Đóng mới, bảo dưỡng tàu thuyền và ngư cụ; thăm dò, đánh giá ngư trường; chuẩn bị chuyến biển; đánh bắt, khai thác; phân loại sản phẩm; sơ chế, bảo quản trên tàu; bốc xếp sản phẩm lên bờ; sơ chế, chế biến, bảo quản trên bờ; tiêu thụ sản phẩm.

+ Diêm nghiệp bao gồm các khâu: Quy hoạch hạ tầng sản xuất, chế biến, bảo quản; cấp nước, tiêu nước cho sản xuất muối; sản xuất và thu hoạch; gom muối trên đồng; vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến muối; tiêu thụ muối và các sản phẩm từ muối.

đ) Về tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm:

- Trang bị máy, thiết bị, công nghệ được thể hiện ở mức độ cơ giới hóa ở các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Nguồn nhân lực thông qua số lao động được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Tổ chức, quản lý sản xuất đánh mức mức độ ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức quản lý; an toàn lao động, an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình, kỹ thuật sản xuất đạt chuẩn.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật đánh giá mức độ phù hợp của kết cấu hạ tầng kỹ thuật với yêu cầu cơ giới hóa nông nghiệp.

- Phát triển bền vững đánh giá mức độ kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Mức độ thúc đẩy hợp tác, liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp xác định tỷ lệ % nông sản được sơ chế, chế biến; tỷ lệ % nông sản được tiêu thụ qua hợp đồng.

e) Về nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa được đào tào, bồi dưỡng kỹ năng nghề gồm: Nhân lực nghiên cứu, dịch vụ, tư vấn phát triển, quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Nhân lực trực tiếp sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp.

g) Về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa nông nghiệp gồm: Người lao động sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động; chấp hành các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và các quy định khác liên quan. Người sử dụng lao động phải bảo đảm điều kiện an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất; tổ chức huấn luyện, hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động nhằm giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp.

h) Về an toàn kỹ thuật máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Hiện tại các loại máy, thiết bị nông nghiệp là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất, kinh doanh công bố áp dụng. Đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm II) được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng (Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa); mặt khác tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố (Điều 62 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật).

Vì vậy, dự thảo dự thảo chính sách đề xuất các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; dây chuyền máy, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này phải công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật); phải công bố hợp quy và công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật) nhằm bảo đảm chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

i) Về thành lập các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp là tổ chức kinh tế đăng ký hoạt động theo hình thức doanh nghiệp, hợp tác xã đáp ứng các tiêu chí i) Có chức năng, nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ, đào tạo, huấn luyện lao động và cung ứng dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp; ii) Có trang bị máy móc, thiết bị, công nghệ hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng các nhiệm vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp; iii) Có các giảng viên hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng nhu cầu đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn vận hành máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp; iv) Phạm vi hoạt động ở cấp độ vùng kinh tế trọng điểm, không trùng lặp về chức năng hoạt động giữa các Trung tâm nhằm thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền.

Nhiệm vụ của Trung tâm: i) Cung cấp vật tư, máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, cơ giới hóa, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ về cơ giới hóa nông nghiệp; ứng dụng máy, thiết bị, công nghệ trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp; ii) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng nghề phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; iii) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; iv) Xây dựng các mô hình trình diễn, giới thiệu quảng bá máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp; dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; v) Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và phát triển vùng (nếu có) được nhà nước đặt hàng.

k) Về chính sách hỗ trợ gồm: i) Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; ii) Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, iii) Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp

- Hỗ trợ đầu tư mua máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, mức vay tối đa 100% giá trị máy, thiết bị, công nghệ; hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay không quá 3 năm (36 tháng) chính sách hỗ trợ kế thừa Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14//11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (mức vay tối đa để mua các loại máy, thiết bị bằng 100% giá trị hàng hóa; mức hỗ trợ lãi suất vốn vay là 100% trong 2 năm đầu, 50% trong năm thứ ba, cơ chế hỗ trợ trước đầu tư).

Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ của dự thảo Nghị định theo cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư trực tiếp cho tổ chức, cá nhân vay vốn mua máy móc, thiết bị, mức vay được hỗ trợ tối đa là 100% giá trị máy móc, thiết bị; mức hỗ trợ lãi suất vốn vay là 100% trong 3 năm đầu. Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo cơ chế thương mại thông thường. Cơ chế này sẽ nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của tổ chức, cá nhân trong việc lựa chọn, đầu tư mua

máy móc thiết bị, đồng thời, việc hỗ trợ sau đầu tư khi phương án/dự án đã hoàn thành đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định về hỗ trợ sẽ tránh được các trường hợp cố tình cấu kết trục lợi chính sách.

- Đối với chính sách hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết. Mức lãi suất hỗ trợ là 5%/năm, tính trên số dư nợ gốc vay tại các ngân hàng thương mại và thời hạn vay, bao gồm các hạng mục: đầu tư dây chuyền máy, thiết bị, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; chi phí tư vấn lập dự án; đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân đến khi tất toán nợ vay theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, nhưng không quá 12 năm.

Thực hiện phương thức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư nhằm khuyến khích các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ. Việc quy định cụ thể mức lãi suất hỗ trợ cố định khắc phục được hạn chế tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg chỉ hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư, dư nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước chiếm gần 3% tổng dư nợ cho vay chương trình, mức chênh lệch khoảng 2-2,5% không có sự chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay thương mại nên chưa khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Vì vậy, dự thảo Nghị định đề xuất với mức lãi suất hỗ trợ là 5%/năm[8] giá trị dự án đầu tư nhằm khuyến khịch phát triển cơ giới hóa đồng độ trong nông nghiệp.

- Đối với các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp ngoài chính sách hỗ trợ dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ còn được tham gia các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ và các địa phương. Được miễn bốn (04) năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày được cấp đăng ký hoạt động và hưởng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) bằng không phần trăm (0%)[9] đối với các hàng hóa, dịch vụ của Trung tâm khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

m) Về nguồn vốn: Đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp thuộc danh mục trong Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 8/8/2020 của Ủy ban Thường vụ Quộc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 bao gồm: Trang thiết bị cho nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, xây dựng nông thôn mới. Các

---

[8] Việc quy định cụ thể mức lãi suất hỗ trợ cố định khắc phục được hạn chế tại Quyết định 68/2013/QĐ-TTg (quy định hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư), thời gian qua lãi suất tín dụng đầu tư không thấp hơn, thậm chí cao hơn lãi suất của một só ngân hàng thương mại

[9] Quy định này áp dụng theo Khoản 2, 3 Điều 4; điểm a, b,c Khoản 1 và điểm d, đ Khoản 2 Điều 13 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15/07/2020) và Khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng sô 13/2008/QH12.

hoạt động theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019: (i) Tại khoản 6 Điều 5 quy định về đối tượng đầu tư công: "Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ."; (ii) Tại Điều 80 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Chính phủ xác định vốn đầu tư ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Căn cứ quy định nêu trên, chi cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại là đối tượng đầu tư công thuộc chi đầu tư phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí dự toán hàng năm.

3. Điểm mới của dự thảo Nghị định so với các quy định hiện hành

Hiện nay, các cơ chế, chính sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật như:

- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

- Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối. Theo đó, tổ chức hộ gia đình, cá nhân đầu tư kho chứa muối, máy thiết bị sản xuất, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối được hỗ trợ vay vốn và lãi suất vốn vay;

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó các dự án chế biến nông, lâm thủy sản; chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; sản xuất chế biến muối; sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp được hỗ trợ mức tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Trong đó hỗ trợ đầu tư cơ sở: bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 25/7/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Dự thảo Nghị định này được xây dựng nhằm cụ thể hóa nội dung, tiêu chí cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và một số chính sách hỗ trợ cho cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp. Theo đó, dự thảo Nghị định này có những điểm mới so với các quy định hiện hành nêu trên như sau:

a) Về phạm vi điều chỉnh: Các cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn hiện hành đã đề cập đến bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối. Đối với Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp quy định về nội dung, tiêu chí và chính sách khuyến khích cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, cụ thể:

- Đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp: Là việc áp dụng đồng bộ các loại máy, thiết bị, công nghệ phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, tổ chức sản xuất và kết cấu hạ tầng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

- Đồng bộ theo chuỗi liên kết là việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp *(từng phân khúc của chuỗi liên kết)* hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm thì chưa được đề cập tại các chính sách trên.

b) Về đối tượng áp dụng: Đối tượng của các Nghị định, Quyết định đã ban hành khác với dự thảo Nghị định này, cụ thể:

- Đối tượng của các Nghị định, Quyết định đã ban hành: Tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ gia đình; cá nhân hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh muối (Nghị định số 40/2017/NĐ-CP); doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP); tổ chức, cá nhân (chủ tàu) đóng mới tàu, nâng cấp tàu, mua ngư lưới cụ, trang thiết bị hàng hải, trang thiết bị bảo quản hải hải sản (Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

- Đối tượng của dự thảo Nghị định này: Áp dụng đối với cơ quan nhà nước, hộ gia đình, cá nhân, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) đầu tư, sử dụng máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp, cung cấp dịch

vụ cơ giới hóa, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

c) Về các chính sách hỗ trợ: Dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ mới như:

- Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó ngoài máy móc, thiết bị cần bổ sung thêm phần công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ thông minh) phục vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp). Ngoài hỗ trợ cơ giới hóa từng khâu cần tiến tới cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, gắn với tổ chức sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

- Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm các dự án đầu tư thực hiện cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp; dự án đầu tư thực hiện cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết.

- Hỗ trợ phát triển các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp để thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền.

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định

- Các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định cơ bản được kế thừa các chính sách hiện hành, do đó, về cơ bản Nghị định sau khi được thông qua vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành tại các cơ quan trung ương và địa phương (các Bộ, UBND cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ dự án, trung tâm cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp. Nguồn tài chính để thực hiện các hoạt động trên từ nguồn vốn chi thường xuyên, vốn đầu tư công bố trí cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Khi Nghị định này được ban hành thực hiện, giai đoạn 2022-2025: Kinh phí dự kiến (gói tín dụng cho vay): 50.000.000 triệu đồng. Vốn của các tổ chức, cá nhân: Khoảng 20.000.000 triệu đồng;

Trường hợp có thể lồng ghép các dự án/tiểu dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-

2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025), thì nguồn tài chính thực hiện Nghị định này sẽ giảm so với dự kiến trên.

2. Vấn đề lồng ghép giới

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý, như: Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Luật Bình đẳng giới cũng quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 5), chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới (Điều 7). Việt Nam đã từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Các quy định trong dự thảo Nghị định đã đảm bảo quyền bình đẳng của tổ chức, cá nhân, của Nam, của Nữ trong việc thực hiện các chính sách . Do đó, dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định. Vấn đề về lồng ghép bình đẳng giới đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định này.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; (4) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong Dự thảo Nghị định; (6) Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị định).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.